TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST
Ngày 15-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

2. Bà Bùi Thị Thúy Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: G), sinh năm 1962; thường trú: Số 133/17, tổ 4, khu phố 2, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Mai H, sinh năm 1953; thường trú: Số 20/1, khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 3/1/44A, khu phố B, phường A, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1959; thường trú: Số 133/17, tổ 4, khu phố 2, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 02/2017 (không nhớ ngày cụ thể), bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: G) cho ông Mai H vay số tiền 20.000.000đ, ông H viết giấy hẹn đến ngày 03/12/2018 sẽ trả 5.000.000đ và mỗi tháng vào ngày 3 sẽ trả 5.000.000đ. Tuy nhiên, ông H không trả tiền cho bà B. Khoảng đầu tháng 7/2019, vợ chồng bà có đến nhà ông H ở số 3/1/44A, khu phố B, phường A, thị xã A (nay là thành phố A), tỉnh Bình Dương để yêu cầu trả nợ 20.000.000đ nhưng ông H không trả, giữa hai bên xảy ra cự cãi, Công an phường A có mời về trụ sở làm việc. Sau đó, nhiều lần bà B yêu cầu ông H trả nợ nhưng ông H không trả. Số tiền 20.000.000đ là tài sản chung của bà với ông Nguyễn Ngọc S, do bà đứng tên cho vay. Bà chỉ cho cá nhân ông H vay, không liên quan đến ai nữa.

Nay bà B yêu cầu ông Mai H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Đối với bị đơn ông Mai H*: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại bản tự khai ngày 20/12/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Sơn trình bày*: Ông là chồng của bà Nguyễn Ngọc B. Số tiền 20.000.000đ, bà B cho ông H vay là tài sản chung của hai vợ chồng, ông đồng ý với ý kiến và yêu cầu của bà B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 27/02/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét giấy nhận nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn có nợ của nguyên đơn số tiền 20.000.000đ, mỗi tháng vào ngày 3 bị đơn trả cho nguyên đơn 5.000.000đ. Theo lời trình bày của nguyên đơn, giấy xác nhận nợ trên là do bị đơn viết, có ký tên xác nhận của bị đơn. Bị đơn hẹn trả cho nguyên đơn mỗi tháng 5.000.000đ vào ngày 3, tuy nhiên thực tế bị đơn không trả cho nguyên đơn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho nguyên đơn nhưng bị đơn không phản đối và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì được xem như bị đơn mặc nhiên thừa nhận đối với các yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Tại Công văn số 01/CV-CAP ngày 10/3/2020 của Công an phường A xác nhận "*Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, Công an phường A nhận được tin báo tại nhà số 3/1/44A, khu phố B, phường A, thị xã D xảy ra vụ việc gây mất an ninh trật tự. Công an phường đã xem xét hiện trường và mời các đương sự liên quan ông Mai H, bà Nguyễn Ngọc B, ông Nguyễn Ngọc S về trụ sở làm việc và ghi nhận sự việc: Ông Mai H có nợ vợ chồng ông S số tiền 20.000.000đ, ngày 06/3/2019 vợ chồng ông S đến yêu cầu ông H trả nợ nên hai bên xảy ra xô xát, nhưng không có thương tích gì*". Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 20.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc 20.000.000đ cho nguyên đơn.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người cao tuổi, tuy nhiên Tòa án đã thông báo cho bị đơn về việc làm đơn miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng bị đơn không thực hiện nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: G) đối với bị đơn ông Mai H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Mai H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc B (tên gọi khác: G) số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai H phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Ngọc B 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039792 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D (01);
- CCTHA DS thành phố D (01);
- Đương sự (03);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Liễng